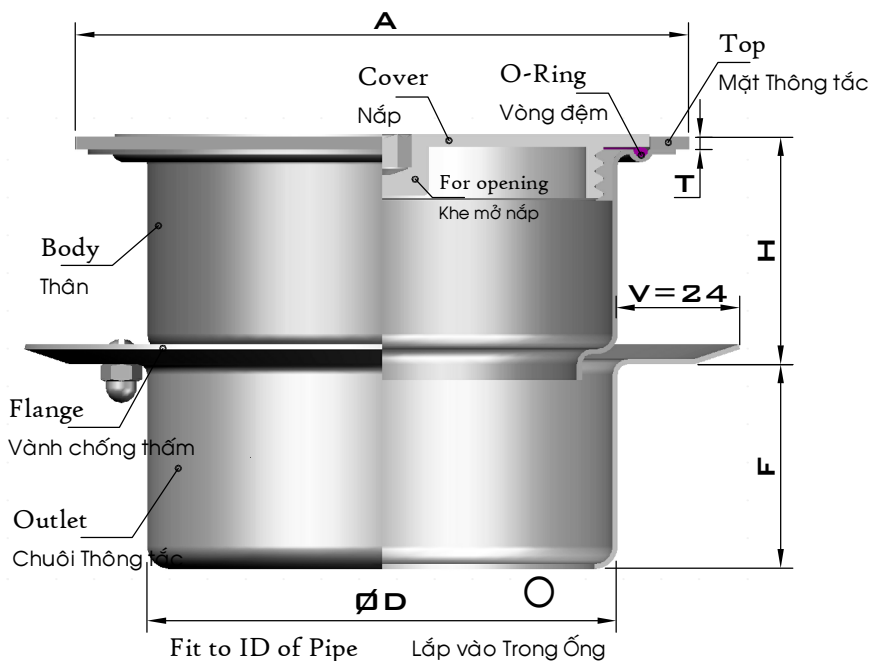
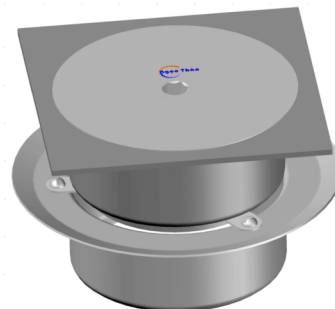


## Kiểu O2..V Model

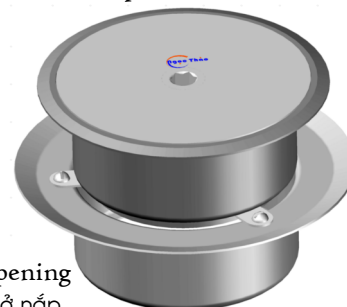


Option: Top Shape  
Tùy chọn: Mặt Thông tắc

Square Top S Mặt Vuông

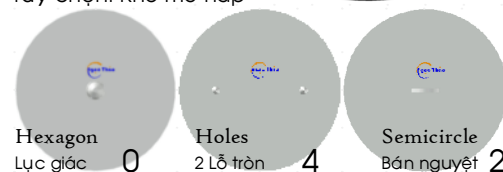


Round Top R Mặt Tròn



Key Features	Đặc điểm
Material: SUS304/316 Stainless Steel	Vật liệu: Inox 304/316
Well waterproof	Chống thấm tốt
Air/Water Tight	Kín Nước/Hơi
Dimensions may vary according to customer needs	Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng

Option: For Opening  
Tùy chọn: Khe mở nắp



Pipe Size (in.)	(OD)	A	ØD	H	T	Code	
Kích thước Ống	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	Mã số	
DN50	2	60	80	51	27	2.5	O2 060 O 080 R 8083 V
DN65	2 1/2	75	90	66	27	2.5	O2 075 O 090 R 8083 V
DN80	3	90	120	81	27	3.0	O2 090 O 120 R 8083 V
DN100	4	110	140	98	27	3.0	O2 110 O 140 ? 8083 V
DN100	4	114	140	102	27	3.0	O2 114 O 140 R 8083 V
DN125	5	140	160	125	32	3.0	O2 140 O 160 R 8083 V
DN150	6	160	180	148	32	4.0	O2 160 O 180 R 808? V
DN150	6	168	180	152	32	4.0	O2 168 O 180 R 8083 V
DN200	8	200	220	180	40	4.0	O2 200 O 220 R 8083 V
DN200	8	220	240	200	40	4.0	O2 220 O 240 R 8083 V
DN200	8	225	250	200	40	4.0	O2 225 O 250 R 8?83 V
DN250	10	250	280	224	45	5.0	O2 250 O 280 R 8083 V

Round/Square Top  
Dạng Mặt Tròn/Vuông

R/S

SUS304/316  
Inox 304/316

3/4

For opening  
Khe mở nắp

0/2/4